

Bản án số: **180/2025/HS-PT**

Ngày: 19 - 8 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Phú**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Mạnh Dũng**

Bà **Lê Thị Anh Đào**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Thái Ngọc Nhật** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng cơ sở 2, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 166/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu S, Huỳnh Tấn L, Hồ Văn H, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu S, Huỳnh Tấn L, Hồ Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Quế S, tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đà Nẵng).

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Hữu S**; giới tính: nam; tên gọi khác: không; sinh ngày: 07/9/1974 tại huyện Quế S, tỉnh Quảng Nam (cũ); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi cư trú: thôn Xuân Lư, xã Quế S Trung, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12. Bị cáo con ông Nguyễn Hữu Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1930); có vợ là bà Lê Việt G (sinh năm 1980) và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 24/8/2018, bị cáo Nguyễn Hữu S bị xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi cá cược trong hoạt động thi đấu thể thao theo Quyết định xử phạt số 703/QĐ ngày 24/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Quế S.

- Ngày 18/3/2020, Ủy ban nhân dân huyện Quế S ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND về việc xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã đối với Nguyễn Hữu S bằng hình thức kỷ luật “Cách chức”.

- Ngày 10/6/2022, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Quế S ban hành Quyết định số 42-QĐ/UBKTHU thi hành kỷ luật đối với Nguyễn Hữu S - đảng viên Chi bộ thôn Xuân Lư thuộc Đảng bộ xã Quế Mỹ bằng hình thức “Khai trừ”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Tạm giam” từ ngày 30/6/2022 đến ngày 13/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Huỳnh Tấn L**; giới tính: nam; tên gọi khác: không; sinh ngày: 29/6/1985 tại huyện Thăng Bình, Quảng Nam (cũ); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi thường trú: khối phố Mỹ Nam, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng; nơi

đăng ký tạm trú: số 24 Nại Thịnh 10, phường S Trà, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không. Bị cáo con ông Huỳnh Tấn R (sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1961); bị cáo có vợ là Trần Thị Y, sinh năm 1988 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 20/12/2018, bị xử phạt vi phạm hành Hh về hành vi đánh nhau, bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng theo Quyết định xử phạt số 08/QĐ của Công an thành phố Tam Kỳ.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 30/6/2022 đến ngày 13/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

3. **Hồ Văn H**; giới tính: nam; sinh ngày 18 tháng 8 năm 1978 tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam cũ; nơi đăng ký hộ thường trú: khối phố Thuận Trà, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng; nơi đăng ký tạm trú: tổ 38, phường Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không. Bị cáo con ông Hồ U (đã chết) và bà Trần Thị Đồi (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị I (sinh năm 1979) và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 30/6/2022 đến ngày 13/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu S và Huỳnh Tấn L*: Luật sư Hồ Văn S - Văn phòng Luật sư Trung Thiên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/10/2021, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Quế S ban hành Kết luận thanh tra số 1097/KL-UBND về việc thanh tra đột xuất việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình Hệ thống cấp nước thôn 1, xã Quế Cường (cũ), nay là xã Quế Mỹ, huyện Quế S. Cùng ngày, UBND huyện Quế S ban hành Quyết định số 1334/QĐ-UBND về việc xử lý kết luận thanh tra, chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu có dấu hiệu phạm tội đến Công an tỉnh Quảng Nam để tiếp tục điều tra. Kết quả điều tra xác định như sau:

Ngày 14/5/2013, UBND huyện Quế S ban hành Công văn số 328/UBND- KT về việc giao UBND xã Quế Cường làm Chủ đầu tư dự án công trình cấp nước thôn 1, xã Quế Cường, đại diện chủ đầu tư là bị cáo S - lúc đó là Chủ tịch UBND xã Quế Cường; giao Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (Phòng NN&PTNT) huyện Quế S kiểm tra trong quá trình triển khai xây dựng công trình, giám sát quản lý công trình sau khi xây dựng hoàn thành, đưa vào vận hành sử dụng nhằm phát huy hiệu quả công trình. Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15/7/2013 của UBND xã Quế Cường về việc chỉ định thầu đơn vị thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình, giá trị chỉ định thầu 260.459.000 đồng. Ngày 15/7/2013, bị cáo S ký hợp đồng với Trung tâm nước sạch và Tư vấn thủy lợi Quảng Nam để khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, được UBND huyện Quế S phê duyệt tại Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 25/10/2013, tổng mức đầu tư là 5.624.104.000 đồng. Quá trình thực hiện dự án, bị cáo S

ký Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 về việc thành lập Ban giám sát xây dựng công trình, do ông Tô Văn Quyết làm Trưởng ban giám sát. Ban giám sát có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để thực hiện việc giám sát công trình đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 14/02/2014 của UBND huyện Quế S về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu xây dựng, UBND xã Quế Cường phát hành thư mời thầu. Bị cáo L là Giám đốc Công ty TNHH MTV xây dựng Minh Hưng (gọi tắt là Công ty Minh Hưng), quá trình lập hồ sơ dự thầu đã liên danh với Công ty TNHH Tư vấn ĐTXD Trung Trung Bộ (gọi tắt là Công ty Trung Trung Bộ) do ông Trần Phú Hoà làm Giám đốc. Kèm theo thỏa thuận liên danh này, Công ty Trung Trung Bộ đã uỷ quyền cho Công ty Minh Hưng thực hiện thi công toàn bộ khối lượng công việc tại công trình dự án. Ngoài ra, bị cáo L còn mượn chứng chỉ Chỉ huy trưởng công trình của ông Trần Phú Linh để sử dụng lập hồ sơ dự thầu. Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của UBND xã Quế Cường, bị cáo S ký hợp đồng thi công xây lắp với Liên danh Công ty Minh Hưng và Công ty Trung Trung bộ, tại hợp đồng số 01/2014/HĐTCXD ngày 10/4/2014, giá trị hợp đồng là 4.591.401.000 đồng.

Bị cáo H là Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hưng Phước (gọi tắt là Công ty Hưng Phước). Công ty Hưng Phước cũng không đủ năng lực thi công tư vấn giám sát công trình, nhân viên công ty không đủ điều kiện được cấp chứng chỉ hành nghề giám sát. Quá trình lập hồ sơ dự thầu, bị cáo H đã sử dụng chứng chỉ giám sát trưởng của ông Trần Minh Chung và chứng chỉ giám sát viên của ông Trần Thanh S. Căn cứ Quyết định chỉ định thầu số 11/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của UBND xã Quế Cường, bị cáo S đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn giám sát là Công ty Hưng Phước, tại hợp đồng số 06/HĐ-TVGS ngày 10/4/2014, giá trị hợp đồng là 83.136.000 đồng.

Quá trình tổ chức thi công xây dựng công trình, Công ty Minh Hưng không phân công chỉ huy trưởng công trình như tại hồ sơ dự thầu để thực hiện công việc chỉ huy trưởng mà chỉ phân công các ông Nguyễn Thanh Duân, Doãn Văn Khuê thực hiện công việc quản lý nhân công tại công trình, những người này không có chứng chỉ hành nghề chỉ huy trưởng công trình xây dựng, toàn bộ quá trình thi công tại dự án do bị cáo L chỉ đạo thực hiện. Quá trình thi công, Công ty Minh Hưng không lập nhật ký thi công, hồ sơ kỹ thuật; khi lập hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng theo đợt, căn cứ theo hồ sơ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt để lập biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành chứ không yêu cầu đơn vị tư vấn giám sát, chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã thi công tại công trình dự án.

Công ty Hưng Phước không phân công những người có chứng chỉ giám sát như hồ sơ đăng ký với chủ đầu tư đến công trình để thực hiện công việc giám sát. Bị cáo H giao cho các ông Nguyễn Tấn Mạnh, Nguyễn Anh Bửu Giáp thực hiện công việc giám sát tại công trình; những người này không có đủ điều kiện giám sát công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng. Quá trình thực hiện hợp đồng tư vấn giám sát, bị cáo H không đến công trình dự án để kiểm tra đơn vị thi công có thi công đảm bảo đúng khối lượng, đúng thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hay không nhưng khi đơn vị thi công thiết lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán, bị cáo đã ký vào các loại hồ sơ để chủ đầu tư thanh toán cho đơn vị thi công.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư, bị cáo S đã phân công ban giám sát thực hiện công việc kiểm tra giám sát đơn vị thi công thực hiện từ khi khởi công xây dựng (ngày 25/3/2014). Đến tháng 8 năm 2014, khi ông Tô Văn Quyết - Trưởng ban giám sát về hưu và bàn giao lại sổ theo dõi giám sát, bị cáo S đã không phân công người thay thế làm nhiệm vụ Trưởng ban điều hành công việc giám sát thi công. Quá trình ký vào các loại hồ sơ nghiệm thu, thanh toán cho các đơn vị thi công, không tổ chức nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành theo đợt, hoàn thành theo hợp đồng, không yêu cầu Phòng NN&PTNT huyện Quế S và các thành viên Ban giám sát kiểm tra đơn vị thi công có thực hiện đảm bảo đúng với hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt hay không.

Quá trình tổ chức thi công dự án, các bị cáo L, H và S đã có hành vi nghiệm thu không đúng với khối lượng thực tế thi công tại các công việc sau:

- Công việc “đắp đất đường ống công trình bằng đầm cóc” tại hạng mục Hồ thu có khối lượng thi công thực tế là 16,04 m³ nhưng đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành thanh toán với khối lượng là 1.604 m³;

Không lắp đặt van một chiều tại đài nước theo hồ sơ thiết kế nhưng đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành là có lắp đặt;

Đối với tuyến nhánh N2A theo hồ sơ thiết kế có chiều dài đường ống là 751,5 m, thanh toán đúng với khối lượng theo hồ sơ dự toán, thiết kế nhưng thực tế chỉ thi công chiều dài đường ống 49 m;

Tuyến nhánh N2B theo hồ sơ thiết kế có chiều dài đường ống là 751,5 m, thanh toán đúng với khối lượng theo hồ sơ dự toán, thiết kế nhưng thực tế chỉ thi công chiều dài ống dẫn nước bằng kim loại là 45 m;

Lập hồ sơ xác nhận khối lượng hoàn thành, tổ chức nghiệm thu đối với tuyến ống uPVC 2520 m và các phụ kiện đầu nối cho 300 hộ dân mà không xác định danh sách từng hộ gia đình nhưng đã lập hồ sơ thanh toán là vi phạm về pháp luật đầu tư xây dựng.

Quá trình triển khai thực hiện dự án, UBND xã Quế Cường đã sử dụng ngân sách nhà nước tổng cộng số tiền là 5.003.149.000 đồng để thực hiện các công việc sau: thi công xây lắp 4.546.387.000 đồng; quản lý dự án 78.165.000 đồng; khảo sát, lập Báo cáo KTKT 260.000.000 đồng; thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán 11.562.000 đồng; tư vấn giám sát 60.459.000 đồng; lập hồ sơ dự thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu 11.264.000 đồng; kiểm định chất lượng công trình 29.098.000 đồng; bảo hiểm công trình 6.214.000 đồng.

* Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 29/4/2022 của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Quảng Nam xác định hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng và gây thiệt hại cụ thể như sau:

- Đối với công việc “đắp đất đường ống công trình bằng đầm cóc” tại hạng mục Hồ thu có khối lượng thi công thực tế là 16,04 m³ nhưng đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành là 1.604 m³, gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 57.687.300 đồng, cụ thể:

- + Đơn vị thi công đã vi phạm điểm i khoản 2 Điều 76 Luật Xây dựng năm 2003; vi phạm khoản 4 Điều 29 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và vi phạm khoản 8 Điều 25 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

- + Đơn vị tư vấn giám sát đã vi phạm điểm a khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 90 Luật Xây dựng năm 2003.

- + Đơn vị chủ đầu tư đã vi phạm khoản 3 Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003; vi phạm khoản 2, 4 Điều 29 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP.

- Đối với hành vi không lắp đặt van một chiều tại đài nước theo hồ sơ thiết kế

nhưng đã nghiệm thu khối lượng hoàn thành là có lắp đặt, thanh toán và gây thiệt hại cho nhà nước số tiền là 3.151.464 đồng, cụ thể:

- + Đơn vị thi công đã vi phạm điểm b, i và k khoản 2 Điều 76 Luật Xây dựng năm 2003.

- + Đơn vị tư vấn giám sát đã vi phạm điểm b, g khoản 2 Điều 90 Luật Xây dựng năm 2003.

- + Đơn vị chủ đầu tư đã vi phạm khoản 6 Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

- Đối với tuyến nhánh N2A (theo Biên bản nghiệm thu, Hồ sơ thanh toán khối lượng là tuyến nhánh 2A), theo hồ sơ thiết kế có chiều dài đường ống là 751,5 m nhưng thực tế chỉ thi công chiều dài đường ống 49 m gây thiệt hại cho nhà nước số tiền là 65.569.677 đồng; tuyến nhánh N2B (theo Biên bản nghiệm thu, Hồ sơ thanh toán khối lượng là tuyến nhánh 2B) theo hồ sơ thiết kế có chiều dài đường ống là 751,5 m nhưng thực tế chỉ thi công chiều dài ống dẫn nước bằng kim loại là 45 m gây thiệt hại cho nhà nước số tiền là 63.848.662 đồng. Các nội dung này, các bên có liên quan đã tiến hành nghiệm thu khối lượng hoàn thành, đã thanh toán và lập trong hồ sơ quyết toán để tiến hành kiểm toán độc lập và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra phê duyệt quyết toán. Hai nội dung này giống nhau và vi phạm về pháp luật đầu tư xây dựng, tại các văn bản pháp luật cụ thể như sau:

- + Đơn vị thi công đã vi phạm điểm i khoản 2 Điều 76 Luật Xây dựng năm 2003; vi phạm khoản 8 Điều 25 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; vi phạm khoản 4

Điều 29 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP. + Đơn vị tư vấn giám sát đã vi phạm điểm a khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 90 Luật Xây dựng năm 2003.

- + Đơn vị chủ đầu tư đã vi phạm khoản 3 Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003; vi phạm khoản 2, 4 Điều 29 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP.

- Đối với việc lập hồ sơ xác nhận khối lượng hoàn thành, tổ chức nghiệm thu đối với tuyến ống uPVC 2520 m và các phụ kiện đầu nối cho 300 hộ dân nhưng không xác định danh sách từng hộ gia đình, nhưng đã lập hồ sơ thanh toán là vi phạm về pháp luật đầu tư xây dựng, gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 443.856.969 đồng. Đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị chủ đầu tư đã vi phạm điểm c khoản 1 Điều 80; khoản 3 Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003.

Tổng cộng tại 04 nội dung nêu trên chỉ thi công khối lượng thực tế tương ứng với số tiền là 10.449,482 đồng. Tuy nhiên, đại diện các đơn vị thi công, tư vấn giám sát và chủ đầu tư đã nghiệm thu và thanh toán cho đơn vị thi công số tiền là 644.563.554 đồng. Hành vi nghiệm thu không đúng với khối lượng thi công vi phạm Luật Xây dựng đã gây thiệt hại cho nhà nước số tiền là 634.114.072 đồng.

Phần khối lượng ngoài hợp đồng được ghi nhận là có thi công nhưng không có cơ sở pháp lý để nghiệm thu, thanh toán do không có trong hồ sơ thiết kế được phê duyệt là: 1 là: thi công lắp đặt đường ống cấp nước bằng ống nhựa uPVC cho 04 tuyến nhánh N3A1, N3A2, N3A3, N3A4 với khối lượng 1.117,1 m.

* Tại Công văn số 69/CV-TTKĐ ngày 22/6/2022 của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Quảng Nam về việc điều chỉnh Kết luận giám định tư pháp về xây dựng ngày 29/4/2022 như sau: hủy bỏ toàn bộ và thay thế lại mục 3, mục 4 điểm A phần VII - Kết luận giám định; các nội dung khác không thuộc nội dung điều chỉnh ở phần 1 Công văn này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý theo Kết luận giám định ngày 29/4/2022 đã ban hành. Nội dung điều chỉnh, bổ sung như sau:

Đối với tuyến nhánh N2A (theo Biên bản nghiệm thu, Hồ sơ thanh toán khối lượng là tuyến nhánh 24), theo hồ sơ thiết kế có chiều dài đường ống là 751,5 m, thanh

toán đúng với khối lượng theo hồ sơ dự toán, thiết kế nhưng thực tế chỉ thi công chiều dài đường ống 49m; tuyến nhánh N2B (theo Biên bản nghiệm thu, Hồ sơ thanh toán khối lượng là tuyến nhánh 2B) theo hồ sơ thiết kế có chiều dài đường ống là 751,5 m thanh toán đúng với khối lượng theo hồ sơ dự toán, thiết kế nhưng thực tế chỉ thi công chiều dài ống dẫn nước bằng kim loại là 45 m. Căn cứ Hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt; Hồ sơ bản vẽ hoàn công do Nhà thầu thi công lập và kết quả kiểm tra thực tế hiện trường; Căn cứ Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng số 6/LĐĐÔ/CVXD ngày 04 tháng 7 năm 2016 có ký xác nhận của Đơn vị thi công xây lắp và Đơn vị tư vấn giám sát về nghiệm thu công việc lắp đặt hoàn thiện tuyến ống nhánh 2A; Căn cứ Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng số 5/LĐĐÔ/CVXD ngày 31 tháng 12 năm 2016 có ký xác nhận của Đơn vị thi công xây lắp và Đơn vị tư vấn giám sát về nghiệm thu công việc lắp đặt hoàn thiện tuyến ống nhánh 2B. Các nội dung này, các bên có liên quan đã tiến hành nghiệm thu khối lượng hoàn thành, đã thanh toán và lập trong hồ sơ quyết toán để tiến hành kiểm toán độc lập và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra phê duyệt quyết toán. Hai nội dung này giống nhau và vi phạm về pháp luật đầu tư xây dựng, tại các văn bản pháp luật, cụ thể như sau: + Đơn vị thi công xây lắp đã vi phạm điểm c, điểm k khoản 2 Điều 113 Luật Xây dựng năm 2014; vi phạm khoản 7 Điều 25 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

+ Đơn vị tư vấn giám sát đã vi phạm điểm b, c khoản 2 Điều 120 và điểm e khoản 2 Điều 122 Luật Xây dựng năm 2014.

+ Đơn vị chủ đầu tư vi phạm điểm e khoản 2 Điều 121; khoản 1 Điều 137; khoản 5 Điều 144 Luật Xây dựng năm 2014.

- Đối với việc lập hồ sơ xác nhận khối lượng hoàn thành, tổ chức nghiệm thu đối với tuyến ống uPVC 2520 m và các phụ kiện đấu nối cho 300 hộ dân mà không xác định danh sách từng hộ gia đình nhưng đã lập hồ sơ thanh toán là vi phạm về pháp luật đầu tư xây dựng gây thiệt hại cho nhà nước số tiền là 443.856.969 đồng, tại các văn bản pháp luật cụ thể như sau: căn cứ Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng số 7/LĐĐÔ/CVXD ngày 24 tháng 3 năm 2017 có ký xác nhận của Đơn vị thi công và Tư vấn giám sát về nghiệm thu công việc lắp đặt đường ống dẫn vào nhà dân. Đơn vị thi công, Đơn vị tư vấn giám sát và Chủ đầu tư vi phạm về pháp luật đầu tư xây dựng trong việc nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định của pháp luật, cụ thể: + Đơn vị thi công xây lắp vi phạm điểm c, e, h, k khoản 2 Điều 113 Luật Xây dựng năm 2014; vi phạm khoản 7 Điều 25 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

+ Đơn vị tư vấn giám sát vi phạm điểm a, b khoản 1; điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 122 Luật Xây dựng năm 2014.

+ Đơn vị chủ đầu tư vi phạm điểm b, c, d khoản 1; điểm e khoản 2 Điều 121; khoản 3 Điều 123; khoản 1 Điều 137; khoản 5 Điều 144 Luật Xây dựng năm 2014.

Ngoài ra, quá trình nghiệm thu, thanh toán cho đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật là Trung tâm nước sạch và Tư vấn thủy lợi Quảng Nam. Bị cáo S đã không đối chiếu hồ sơ thi công và hồ sơ đề nghị thanh toán cho nhà thầu chênh lệch số tiền chi phí khảo sát là 50.265.000 đồng (theo kết quả kiểm toán do đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện).

* Ngày 06/5/2024, Cơ quan điều tra phối hợp cùng với Viện kiểm sát tiến hành kiểm tra lại hiện trường tại dự án công trình nước sạch với sự tham gia của Giám định viên tư pháp Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Quảng Nam và các thành phần có liên quan tiến hành kiểm tra lại hiện trường. Tại Kết luận giám định tư pháp về xây

dựng (phần điều chỉnh bổ sung ngày 16/5/2024), Bảng khối lượng và giá trị chênh lệch so sánh của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Quảng Nam kết luận các sai phạm tại dự án như sau:

- Đối với công việc xây dựng đầu nối vào nhà dân:

Trong mục 4 - Kết luận giám định tư pháp xây dựng phần điều chỉnh bổ sung ngày 22/6/2022 của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Quảng Nam: lập hồ sơ xác nhận khối lượng hoàn thành, tổ chức nghiệm thu đối với tuyến ống uPVC 2520 m và các phụ kiện đầu nối cho 300 hộ dân nhưng không xác định danh sách từng hộ gia đình nhưng đã lập hồ sơ thanh toán là vi phạm về pháp luật đầu tư xây dựng. Phần giá trị khối lượng này không đủ cơ sở để thanh toán với số tiền là 443.856.969 đồng.

Căn cứ Biên bản kiểm tra lại hiện trường ngày 06/5/2024 do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam chủ trì đã xác nhận được đơn vị thi công có đầu nối đường ống và phụ kiện đi kèm cho 296 hộ dân và cơ sở giáo dục, đây là cơ sở cho việc thanh toán nên đơn vị giám định điều chỉnh, bổ sung lại nội dung này. Giá trị điều chỉnh, bổ sung công việc thi công lắp đặt đường ống nhựa PVC nối măng song, đoạn ống dài 8 m, $d = 27$ mm, theo hồ sơ thiết kế phê duyệt: 443.856.969 đồng; đã nghiệm thu thanh toán: 443.856.969 đồng; thực tế thi công đúng thiết kế.

437.938.976 đồng; chênh lệch: -5.918.093 đồng.

- Đối với công việc xây dựng tuyến nhánh N2A, N2B:

Căn cứ Biên bản kiểm tra lại hiện trường ngày 06/5/2024 do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam chủ trì đã xác định như sau:

+ Tuyến nhánh N2A: đơn vị thi công đã thi công hoàn thành đường ống bằng kim loại có chiều dài 49m, gần đúng với hồ sơ thiết kế được phê duyệt (theo hồ sơ được phê duyệt: 28,8 m " $D = 113,5$ mm" + 20,5 " $D = 88,3$ m" = 49,3 m); đã thi công hoàn thành đường ống HDPE đường kính D90 với chiều dài là 60 m nhưng không đúng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt, có giá trị: $60 \times 105.080 = 6.304.800$ đồng, giá trị này không được thanh toán.

+ Tuyến nhánh N2B: đơn vị thi công đã thi công hoàn thành đường ống bằng kim loại có chiều dài 61,9 m (bao gồm biên bản kiểm tra hiện trường ngày 06/01/2022 xác nhận 45 m và biên bản kiểm tra hiện trường ngày 06/5/2024 xác nhận thêm 16,9 m), gần đúng với hồ sơ thiết kế được phê duyệt (theo hồ sơ được phê duyệt: 25,8 m " $D = 113,5$ mm" + 36,0 m " $D = 88,3$ mm" = 61,8 m).

Giá trị chênh lệch thanh toán tuyến nhánh N2A, N2B được điều chỉnh, bổ sung như sau: tuyến N2A: 70.718.578 đồng; tuyến N2B: 68.566.544 đồng.

Đối với công việc lắp đặt van 1 chiều (đường kính $D = 75$ mm) tại đài nước: căn cứ biên bản kiểm tra lại hiện trường ngày 06/5/2024 do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam chủ trì xác định như sau:

+ Kết quả kiểm tra lại: xác định đơn vị thi công có lắp đặt van 1 chiều tại đài nước nhưng không đúng với hồ sơ thiết kế được duyệt.

+ Ý kiến của đơn vị thiết kế dự án: đơn vị thi công đã lắp đặt van 1 chiều không đúng vị trí theo hồ sơ thiết kế, tuy nhiên vị trí lắp đặt không ảnh hưởng đến quá trình vận hành công trình, do vậy đơn vị thi công vẫn được thanh toán tại phần việc hoàn thành này.

Căn cứ vào nội dung trên, đơn vị giám định điều chỉnh, bổ sung giá trị thanh toán lắp đặt van 1 chiều đường kính $D = 75$ mm tại đài nước; kết quả điều chỉnh, bổ sung: 3.151.464 đồng.

- Đối với công việc “đắp đất đường ống công trình bằng đầm cóc” cho hạng mục hồ thu: theo hồ sơ thiết kế phê duyệt: 58.270.000 đồng; đã nghiệm thu thanh toán: 58.270.000 đồng; thực tế thi công đúng thiết kế: 582.700 đồng; chênh lệch: -57.687.300 đồng.

- Đối với việc giám định chất lượng xây dựng công trình nhà máy nước theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22/12/2021 của Bộ Xây dựng: ngoài các công việc của dự án vi phạm pháp luật về xây dựng đã bị phát hiện và giám định tư pháp thì đối với các hạng mục công việc còn lại của dự án mà Đoàn kiểm tra không phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng thì không có căn cứ giám định chất lượng xây dựng của công trình theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22/12/2021 của Bộ Xây dựng.

Các nội dung khác không liên quan đến nội dung điều chỉnh lần này tại Kết luận giám định tư pháp xây dựng ngày 29/4/2022, kết luận giám định tư pháp xây dựng (phần điều chỉnh bổ sung ngày 22/6/2022) vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Như vậy, theo Kết luận giám định tư pháp về xây dựng (Phần điều chỉnh bổ sung ngày 16/5/2024); Bảng khối lượng và giá trị chênh lệch so sánh của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Quảng Nam kết luận các sai phạm tại dự án đã gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền là 202.890.515 đồng (trong đó: chênh lệch giữa giá trị thanh toán và thực tế thi công tại các công việc: đắp đất đường ống công trình bằng đầm cóc tại hạng mục Hồ thu là 57.687.300 đồng; tuyến nhánh N2A là 70.718.578 đồng; tuyến nhánh N2B là 68.566.544 đồng; lắp đặt đường ống nhựa PVC nổi măng song, đoạn ống dài 8 m, d=27 mm là 5.918.093 đồng).

* Với nội dung vụ án nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Quế S, tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án Khu vực 6 – Đà Nẵng) đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu S, Huỳnh Tấn L, Hồ Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2022 đến ngày 13/12/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2022 đến ngày 13/12/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn H 01 (một) năm tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2022 đến ngày 13/12/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định phân biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 27/5/2025, bị cáo Hồ Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/5/2025, bị cáo Nguyễn Hữu S, Huỳnh Tấn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm b khoản 1 Điều 224

của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 01 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn L 01 năm 03 tháng tù; xử phạt bị cáo Hồ Văn H 01 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*” là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Hữu S và Huỳnh Tấn L, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm. Riêng bị cáo Hồ Văn H, có nhân thân tốt, vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã bị tạm giam 5 tháng 13 ngày cũng đủ mức răn đe, giáo dục đối với bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo Hồ Văn H, mức án bằng với thời gian bị tạm giam.

Các bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Hữu S, Huỳnh Tấn L, Hồ Văn H có đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu S và Huỳnh Tấn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 (đã được triệu tập hợp lệ), nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hữu S, Huỳnh Tấn L, Hồ Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: trong quá trình thực hiện dự án công trình Hệ thống cấp nước thôn 1, xã Quế Cường, huyện Quế S, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn Xuân Lư, xã Quế Mỹ, huyện Quế S) từ năm 2013 đến năm 2017, bị cáo Nguyễn Hữu S (nguyên Chủ tịch UBND xã Quế Cường, đại diện đơn vị chủ đầu tư), bị cáo Huỳnh Tấn L (Giám đốc Công ty TNHH MTV xây dựng Minh Hưng, đơn vị thi công xây lắp) và bị cáo Hồ Văn H (Giám đốc Công ty CP ĐTXD Hưng Phước, đơn vị tư vấn giám sát) đã có hành vi nghiệm thu, lập biên bản nghiệm thu khối lượng không đúng với khối lượng thực tế thi công, trái với quy định của Luật Xây dựng gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền 202.890.515 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Quế S, tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đà Nẵng) xử phạt các bị cáo Nguyễn Hữu S, Huỳnh Tấn L, Hồ Văn H phạm tội “*Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 224 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy: hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình gây ra hậu quả rất nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo

đã thực hiện; đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 01 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn L 01 năm 03 tháng tù; xử phạt bị cáo Hồ Văn H 01 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*” là có căn cứ pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Hữu S, Huỳnh Tấn L, Hồ Văn H phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu L pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu S, Huỳnh Tấn L, Hồ Văn H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Quế, tỉnh Quảng Nam về hình phạt.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu S 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*”, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2022 đến ngày 13/12/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Tấn L 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*”, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2022 đến ngày 13/12/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hồ Văn H 01** (một) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*”, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2022 đến ngày 13/12/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Các bị cáo Nguyễn Hữu S, Huỳnh Tấn L, Hồ Văn H, mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu L pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu L pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/8/2025).

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 Công an thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Phú

